

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

ĐỀ ÁN

MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

TÊN NGÀNH

TÂM LÝ HỌC

(PSYCHOLOGY)

Mã số: 7310401

Hà Nội, 2024

1

ĐỀ ÁN

Mở mã ngành Tâm lý học

1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

1.1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Tâm lý học
- Mã ngành đào tạo: 7310401
- Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Tâm lý học
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Psychology
- Mã chương trình đào tạo: HMU-BPsysc
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân Tâm lý học
- Tổ hợp xét tuyển: B00 (Toán, Hóa, Sinh), B03 (Toán,

Văn, Sinh), D00 (Toán, Văn, Anh)

Ngành đào tạo Tâm lý học trình độ đại học có trong danh mục Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV hiện hành với mã ngành là 7310401 theo quy định trong Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022. Ngành thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành với mã ngành Đào tạo Tâm lý học thuộc nhóm ngành đào tạo Khoa học xã hội và hành vi. Trường Đại học Y Hà Nội có 11 ngành đào tạo trình độ đại học thuộc danh mục đào tạo khối ngành sức khỏe, thu hút trung bình khoảng 1400 sinh viên (SV) mỗi năm. Trường đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục chu kỳ 2 có giá trị 5 năm kể từ ngày cấp theo Quyết định số 1112/QĐ-KĐCL ngày 01/11/2023 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hội đồng khoa học giáo dục Trường Đại học Y Hà Nội đã thẩm định về đề xuất mở ngành đào tạo Tâm lý học trình độ đại học và đã thông qua trong Nghị quyết số 01/NQ-ĐHYHN ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc thông qua chủ trương mở ngành Tâm lý học trình độ đại học.

Ngành đào tạo Tâm lý học do Trường trực tiếp quản lý về tổ chức tuyển sinh, Viện Đào tạo YHDP&YTCC chịu trách nhiệm về chương trình đào tạo, về chuyên môn, trực tiếp quản lý đào tạo, đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ đại học. Tính đến thời điểm hiện tại, Trường và Viện không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học.

1.2. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Y Hà Nội thành lập từ năm 1902, là một trong những trường đại học lâu đời bậc nhất về đào tạo Y khoa tại miền Bắc cũng như tại Việt Nam, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực y tế, nghiên cứu khoa học và trực tiếp khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Trụ sở chính của Trường tại số 1 phố Tôn Thất Tùng, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội, khuôn viên trường Đại học Y Hà Nội có tổng diện tích lên tới 146.686m², sở hữu 11 hội trường; 2 thư viện, trung tâm học liệu; 53 phòng học từ lớn tới nhỏ; 126 trung tâm nghiên cứu, phòng thực nghiệm, thực hành, thí nghiệm; 213 phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên. Phân hiệu của Trường đặt tại 718 đường Quang Trung 3, Phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa.

Sau hơn 120 năm xây dựng và trưởng thành, Trường Đại Học Y Hà Nội đã đào tạo được trên 35 nghìn bác sĩ y khoa, cử nhân y khoa, cử nhân điều dưỡng và trên 25 nghìn cán bộ y tế có trình độ sau đại học: Tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II. Nhà trường cũng là trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu trong nước và khu vực về y học. Với đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu hơn 1300 giảng viên, hàng năm trường tuyển sinh trong cả nước với các mã ngành đào tạo: Y khoa, Y học cổ truyền, Răng hàm mặt, Y học dự phòng, Điều dưỡng, Điều dưỡng chương trình tiên tiến, Xét nghiệm y học, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Khúc xạ nhãn khoa, Kỹ thuật Phục hồi chức năng; sau đại học, trường đang đào tạo: Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Bác sĩ chuyên khoa cơ bản các chuyên ngành.

Quy mô tuyển sinh đào tạo đại học hệ chính quy trong 5 năm từ năm 2019 – 2023:

Năm tuyển sinh	2019	2020	2021	2022	2023
Chỉ tiêu tuyển sinh	1120	1120	1150	1170	1831
Số SV nhập học	1164	1144	1176	1167	1672

Quy mô sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp trong 5 năm 2019 - 2023 và tỷ lệ sinh viên có việc làm trong vòng 6 tháng

Năm tuyển sinh	2019	2020	2021	2022	2023
Số SV tốt nghiệp	1068	1002	1020	986	1128
Số SV có việc làm (%)	93.42	90.74	96.33	91.3	.

Trường cũng đã và đang chủ trì, tham gia nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở, các chương trình/ đề tài hợp tác quốc tế.

Ngoài nhiệm vụ đào tạo, Trường cũng là nơi gửi gắm niềm tin yêu và hy vọng của người bệnh. Hiện nay, bệnh viện Đại học Y Hà Nội có trên 500 giường với đội ngũ cán bộ y tế chất lượng cao về trình độ và kinh nghiệm, triển khai nhiều kỹ thuật chẩn đoán, điều trị tiên tiến, trực tiếp chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân.

Trường đã tuyên bố tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và xác định mục tiêu giáo dục và cam kết chính sách chất lượng.

- Tầm nhìn:



Là đại học nghiên cứu ngang tầm với các trường đại học y khoa hàng đầu ở châu Á.

- *Sứ mệnh:*

Không ngừng phấn đấu tạo ra các sản phẩm đào tạo, khoa học công nghệ và dịch vụ y tế tinh hoa, xứng đáng với truyền thống lịch sử hơn một thế kỷ phụng sự dân tộc.

- *Giá trị cốt lõi:*

Trách nhiệm, kế thừa và phát triển. - Triết lý giáo dục: Đổi mới, sáng tạo và hội nhập.

- *Chính sách chất lượng:*

Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao về y tế, phục vụ công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Cung cấp các dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế ngang tầm khu vực và thế giới bằng cách liên tục cải tiến chương trình, phương pháp điều kiện dạy - học cũng như cải tiến hệ thống quản lý của Trường, đáp ứng nhu cầu của người học, người sử dụng lao động của xã hội.

Xây dựng Trường Đại học Y Hà Nội thành một trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ y học, tạo động lực phát triển khoa học công nghệ Y - Dược của Việt Nam.

Phát huy mọi tiềm năng và sự cống hiến của tất cả các thành viên, xây dựng Trường thành một tập thể trong sạch, vững mạnh, gia tăng vị thế cạnh tranh của Trường trong khu vực và trên thế giới.

Thông tin tuyển sinh/đào tạo của Trường:

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Hà Nội

- Địa chỉ: Số 1, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: (0243) 8523798; Email: tuyensinh@hmu.edu.vn

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.hmu.edu.vn>

- Địa chỉ trang thông tin điện tử tuyển sinh sau đại học: <https://www.hmu.edu.vn>

Hiện nay, Trường đã và đang tiếp tục hợp tác với các viện, trường đại học trên thế giới trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Trường Đại học

Y Hà Nội luôn xứng đáng với danh hiệu là một trong những Trường hàng đầu về đào tạo của ngành y tế

1.3. Giới thiệu Viện Đào tạo YHDP&YTCC (đơn vị trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo Tâm lý học)

Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng (YHDP và YTCC) thuộc Trường Đại học Y Hà Nội (ĐHYHN) chính thức được thành lập theo quyết định số 2879/QĐ-BYT của Bộ Trưởng Bộ Y tế ký ngày 12/8/2010.

Viện được thành lập trên cơ sở Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội, nơi đã có hơn 60 năm kinh nghiệm trong đào tạo và nghiên cứu khoa học về YHDP và YTCC, đóng góp phát triển nguồn nhân lực, hoạch định chính sách và phát triển hệ thống Y tế dự phòng và Y tế công cộng tại Việt Nam.

Mục tiêu cốt lõi: Nâng cao chất lượng – Đổi mới sáng tạo – Không ngừng hội nhập.

Sứ mệnh của Viện là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao lĩnh vực YHDP&YTCC; phát triển khoa học công nghệ và cung ứng cho thị trường Y tế các dịch vụ YHDP&YTCC.

Cơ cấu tổ chức của Viện: Viện có 01 Viện trưởng và 02 Phó Viện trưởng, 01 Hội đồng khoa học, 3 phòng chức năng, 1 Trung tâm CSSK cộng đồng, 1 Labo trung tâm, 1 Phòng khám đa khoa và bệnh nghề nghiệp, 11 Bộ môn.

Tổng số cán bộ của Viện có 118 cán bộ trong đó 76 viên chức; 42 cán bộ hợp đồng; 02 cán bộ kiêm nhiệm quản lý, 93 giảng viên thỉnh giảng.

Quy mô tuyển sinh, đào tạo đại học của Viện trong 5 năm từ năm 2019 – 2023:

Đối tượng	2019	2020	2021	2022	2023
I. BS YHDP					
Chỉ tiêu tuyển sinh	80	80	80	80	100
Số sinh viên nhập học	72	84	78	82	106
II. VB2					
Chỉ tiêu tuyển sinh	50	50	50	0	0



Số sinh viên nhập học	20	28	17	0	0
III. CN Dinh dưỡng					
Chỉ tiêu tuyển sinh	70	70	80	80	100
Số sinh viên nhập học	76	77	69	76	92
IV. CN YTCC					
Chỉ tiêu tuyển sinh	50	50	60	50	70
Số sinh viên nhập học	41	59	61	49	51
V. Tổng số Sv tuyển sinh	250	250	270	210	270
Tổng số sinh viên nhập học	209	248	225	207	249

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

2.1 Nhu cầu về nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo

Xã hội ngày càng phát triển, nhận thức về sức khỏe tâm thần của người dân càng được tăng cường, nhu cầu về các chuyên gia tâm lý như tư vấn viên tâm lý, nhân viên tâm lý học đặc biệt nhân viên tư vấn tâm lý tại trường học, bệnh viện đang tăng lên rất nhiều trong những năm gần đây.

Trong giáo dục các trường học và trung tâm giáo dục đang tăng cường nhân viên tư vấn tâm lý để hỗ trợ học sinh và sinh viên trong việc đối mặt với áp lực học tập và tâm lý.

Trong lĩnh vực sức khỏe, nhu cầu về tư vấn tâm lý và điều trị tâm lý cũng tăng cao đặc biệt trong điều trị các vấn đề như trầm cảm, lo âu và rối loạn tâm thần. Trong bệnh viện, nhân viên tâm lý đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ bệnh nhân, gia đình và nhân viên y tế đối mặt với các vấn đề tâm lý, tinh thần liên quan đến bệnh tật và điều trị.

Theo ước tính của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), đến năm 2020, trầm cảm là được xếp thứ hai ảnh hưởng đến sức khỏe của con người chỉ sau tim mạch. Theo thống

kê tại thành phố Hồ Chí Minh cho thấy có đến 6% dân số bị bệnh trầm cảm. Nếu trước kia người mắc trầm cảm chủ yếu ở độ tuổi từ 60 - 65 tuổi, thì hiện nay trầm cảm đang có xu hướng trẻ hóa với độ tuổi từ 15 - 27 tuổi. Theo nghiên cứu của Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF), khoảng 8% - 29% trẻ em đang trong độ tuổi vị thành niên ở Việt Nam gặp các vấn đề về sức khỏe tâm thần. Ước tính tại Việt Nam có ít nhất 3 triệu thanh, thiếu niên có các vấn đề về sức khỏe tâm lý, tâm thần. Tuy nhiên chỉ có khoảng 20% trong số đó nhận được hỗ trợ y tế và điều trị cần thiết. Tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1, tỷ lệ mắc 10 chứng rối loạn tâm thần phổ biến trong năm 2014 là 14,2%, trong đó riêng rối loạn trầm cảm chiếm 2,45%. Tỷ lệ tự sát trong năm 2015 là 5,87 trên 100.000 dân.

Nhằm góp phần bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe của nhân dân và phát triển kinh tế, xã hội của đất nước ngày 29/01/2022, Thủ tướng chính phủ đã ký Quyết định 155/QĐ-TTg 2022 Phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022 – 2025.

Bên cạnh đó, nhận thấy vai trò quan trọng của nhân viên tư vấn tâm lý tại cơ sở y tế, ngày 09 tháng 01 năm 2023 Quốc hội chính thức thông qua Luật khám chữa bệnh số 15/2023/QH15 trong đó mã tâm lý lâm sàng chính thức đưa vào nhóm đối tượng phải thực hành và được cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Ngày 18/12/2017, Bộ giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành thông tư 31/2017/TT-BGDĐT hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông.

Hiện tại, Văn phòng WHO tại Việt Nam đang hỗ trợ Bộ Y tế phát triển mô hình lồng ghép sức khỏe tâm thần vào sức khỏe nói chung tập trung vào tuyến chăm sóc sức khỏe ban đầu. Như vậy vấn đề sức khỏe tâm thần cần được cực kì quan tâm để điều trị, can thiệp một cách thỏa đáng tuy nhiên theo ước tính của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thì tại Việt Nam cứ 1,7 triệu người thì mới có một nhà tâm lý được huấn luyện.

Theo khảo sát của Viện đào tạo YHDP&YTCC trong tháng 10 năm 2023, hỏi ý kiến các cán bộ y tế tại các bệnh viện thì cho thấy 90,3 % các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng nhân viên tâm lý tại bệnh viện, 91,8% người cho rằng bệnh viện cần tổ chức phòng/tổ tâm lý lâm sàng, 93,3% người đồng ý với việc bệnh viện cần xây dựng nhân lực cho phòng tâm lý.

Đào tạo nhân viên tâm lý học đòi hỏi một quá trình chuyên sâu và đa dạng, tự kiến thức lý thuyết đến kỹ năng thực hành. Đào tạo tâm lý học trên thế giới có sự đa dạng về cách tiếp cận, cấp độ và chuyên môn và đã bắt đầu hình thành từ cuối thế kỷ 19 ở châu Âu, đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển và biến đổi. Ở thế kỷ 19 tâm lý học bắt đầu như một lĩnh vực nghiên cứu khoa học đặc biệt ở Đại học Leipzig của Đức dưới sự dẫn dắt của Wilhelm Wundt. Sang thế kỷ 20, tâm lý học phát triển mạnh mẽ ở Mỹ với việc thành lập các chương trình đào tạo cử nhân tâm lý học ở nhiều trường đại học. Đến thế kỷ 21, sự phát triển của công nghệ đã tạo điều kiện cho việc đào tạo tâm lý học trực tuyến và hỗ trợ các học viên ở xa, chương trình đào tạo tâm lý học trở nên đa dạng và linh hoạt hơn, với nhiều sự lựa chọn. Tại Việt Nam, từ những năm 1990 Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội được xem là là một trong những trường đầu tiên đào tạo chương trình đào tạo cử nhân tâm lý học. Hiện nay trên cả nước có nhiều trường đại học đang mở chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trong xã hội tuy nhiên hiện tại chưa có trường đại học Y nào trên cả nước đào tạo ngành cử nhân tâm lý học. Với đặc thù ngành Y, các sinh viên học tâm lý học tại Đại học Y được kết hợp mạnh mẽ giữa y học và tâm lý học giúp sinh viên hiểu rõ hơn về mối liên hệ giữa tâm lý và sức khỏe. Sinh viên được đào tạo về các vấn đề tâm lý liên quan đến bệnh tật, điều trị, phục hồi và hỗ trợ tinh thần cho bệnh nhân và gia đình. Bên cạnh đó hệ thống cơ sở thực hành và thực tập tại bệnh viện và cơ sở y tế sẽ giúp sinh viên áp dụng kiến thức và thực tế và tích lũy kinh nghiệm trong suốt 4 năm học tại Trường.

2.2 Lý do mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Tâm lý học

2.2.1. Căn cứ pháp lý

Luật số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội về Luật khám chữa bệnh.

Nghị định 109/2016/ND-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Quyết định 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của Giáo dục đại học, giai đoạn 2020-2025.

Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo đại học

Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp.

Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Công văn 769/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 20/4/2018 của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, được thay thế theo công văn số 1669/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2019 của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Công văn 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

Công văn số 2435/BGDĐT – GDĐH ngày 14/4/2013 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc rà soát chuẩn đầu ra và biên soạn giáo trình;

Quyết định 3660/QĐ-ĐHYHN ngày 15/9/2020 của Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội.

Thông tư 31/2017 TT-BGDT ngày 18/12/2017, Bộ giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông.

2.2.2 Về mặt lý luận

Lý thuyết cho rằng sức khỏe toàn diện không chỉ bao gồm thể chất mà còn bao gồm cả tâm trí và tinh thần. Đào tạo ngành tâm lý học sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về mối quan hệ này và cách áp dụng vào thực hành chăm sóc. Bên cạnh đó sinh viên được học ngành tâm lý học sẽ có các phương pháp hiệu quả và phù hợp can thiệp tâm lý có thể giúp cải thiện kết quả điều trị và phục hồi

Ngành tâm lý học đóng một vai trò quan trọng và đa dạng trong xã hội: chăm sóc tâm lý và sức khỏe tâm thần, áp dụng các nguyên lý và phương pháp tâm lý học trong giáo dục để hỗ trợ quá trình học và phát triển của học sinh, hỗ trợ giáo viên và phụ huynh trong việc đào tạo, nuôi dưỡng kỹ năng sống cho trẻ, thực hiện các nghiên cứu về tâm lý học để nắm bắt và hiểu rõ hơn về con người và xã hội, đóng góp vào việc phát triển và cải thiện các phương pháp, kỹ thuật tư vấn và can thiệp tâm lý, cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ tâm lý cho cá nhân và cộng đồng, giúp họ đối diện và vượt qua các thách thức tâm lý và cảm xúc, hỗ trợ giúp đỡ trong việc giải quyết các vấn đề và xung đột trong cuộc sống công việc, hỗ trợ bệnh nhân và gia đình bệnh nhân hiểu và đối diện với các vấn đề tâm lý liên quan đến bệnh tật, điều trị và phục hồi, phân tích và đánh giá các vấn đề tâm lý giúp bệnh nhân điều chỉnh và quản lý cảm xúc và hành vi, hỗ trợ và tư vấn cho gia đình bệnh nhân về cách quan tâm đến người thân mình trong quá trình điều trị và phục hồi, hợp tác với các chuyên gia y tế khác như bác sĩ, y tá, điều dưỡng và các chuyên gia khác để cung cấp chăm sóc toàn diện cho bệnh nhân, tổ chức các buổi giảng dạy và đào tạo cho nhân viên y tế và người thân về tâm lý học và kỹ năng giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân, Nhân viên tâm lý cần có kiến thức chuyên môn sâu rộng, kỹ năng giao tiếp tốt và nhạy bén trong việc đánh giá và xử lý các tình huống phức tạp, đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện chất lượng chăm sóc sức khỏe và đáp ứng nhu cầu tinh thần cho cá nhân, nhóm và cộng đồng.

2.2.3. Về mặt thực tiễn

Về mặt thực tiễn, ngành tâm lý học có ảnh hưởng lớn đến nhiều lĩnh vực khác nhau trong xã hội từ sức khỏe, giáo dục và cộng đồng. Trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần và y tế, tâm lý học hỗ trợ và can thiệp tâm lý cho bệnh nhân trong bệnh viện và cơ sở y tế, cung cấp chăm sóc tâm lý cho người bệnh mắc các vấn đề về tâm lý, hỗ trợ và tư vấn cho gia đình và người thân của bệnh nhân.

Theo khảo sát của Viện đào tạo YHDP&YTCC trong tháng 10 năm 2023, hỏi ý kiến các cán bộ y tế tại các bệnh viện thì cho thấy 90,3 % các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng nhân viên tâm lý tại bệnh viện, 91,8% người cho rằng bệnh viện cần tổ chức phòng/tổ tâm lý lâm sàng, 93,3% người đồng ý với việc bệnh viện cần xây dựng nhân lực cho phòng tâm lý.

Trong lĩnh vực giáo dục, tâm lý học giúp cải thiện quá trình học và phát triển của học sinh, hỗ trợ giáo viên và nhà trường trong việc giải quyết các vấn đề học đường và hành vi học sinh, đào tạo và phát triển kỹ năng sống cho học sinh và sinh viên. Nhận thấy vai trò quan trọng của nhân viên tâm lý giáo dục, Bộ giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông tại thông tư 31/2017 TT-BGDT ngày 18/12/2017. Tại Việt Nam, số lượng nhân viên tâm lý trong lĩnh vực giáo dục đang tăng dần theo nhu cầu, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn còn thấp so với nhiều quốc gia khác. Tại Mỹ, tỷ lệ cho 1 nhân viên tâm lý cho 400-500 học sinh, tại Anh và Úc tỷ lệ cho 1 nhân viên tâm lý cho 1000-1500 học sinh thì tại Việt Nam hiện nay thường 1 nhân viên tâm lý phục vụ cho khoảng 1000 – 2000 học sinh.

Về đào tạo tâm lý học, hiện nay trên cả nước đã có trên 30 Trường Đại học mở mã ngành Tâm lý học. Tuy nhiên, trong khối y tế hiện chưa có trường nào đào tạo chuyên sâu hơn về tâm lý học trong y tế.

Từ những cơ sở thực tiễn và pháp lý trên, cho thấy cần thiết phải mở mã ngành đào tạo Tâm lý học tại Trường Đại học Y Hà Nội.

3. Chương trình và kế hoạch đào tạo

Trường Đại học Y Hà Nội đã xây dựng chương trình đào tạo ngành Tâm lý học theo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của BGD&ĐT. Chương trình gồm 127 tín chỉ (TC), có đủ các đề cương chi tiết học phần,

trang bị cho sinh viên các kiến thức và các kĩ năng cần thiết để có thể thực hiện được chương trình đào tạo.

3.1 Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo

Luật số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội về Luật khám chữa bệnh.

Nghị định 109/2016/ND-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Quyết định 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của Giáo dục đại học, giai đoạn 2020-2025.

Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo đại học

Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp.

Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Công văn 769/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 20/4/2018 của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo

tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, được thay thế theo công văn số 1669/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2019 của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Công văn 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

Công văn số 2435/BGDĐT – GDĐH ngày 14/4/2013 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc rà soát chuẩn đầu ra và biên soạn giáo trình;

Quyết định 3660/QĐ-ĐHYHN ngày 15/9/2020 của Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội.

Thông tư 31/2017 TT-BGDĐT ngày 18/12/2017, Bộ giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông.

3.2 Các văn bản liên quan quá trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng, thẩm định, ban hành theo quy định. Các văn bản liên quan đến quá trình xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tâm lý học gồm có:

Biên bản Hội đồng khoa học đào tạo thông qua Đề xuất mở ngành Tâm lý học

Quyết định phân công nhiệm vụ xây dựng đề án mở ngành Tâm lý học

Kế hoạch xây dựng đề án mở ngành Tâm lý học

Nghị quyết Hội đồng Trường thông qua đề xuất mở ngành Tâm lý học

Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành Tâm lý học

Quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định Chuẩn đầu ra và Khung chương trình đào tạo

Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra và Khung chương trình đào tạo

Quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định Chương trình đào tạo

Quyết định ban hành Chương trình đào tạo

Biên bản Hội đồng trường thông qua đề án mở ngành đào tạo Tâm lý học

3.3. Chương trình đào tạo tham khảo

Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học có tham khảo, đối sánh với 02 chương trình đào tạo Đại học trong nước và 02 chương trình đào tạo nước ngoài

3.3.1 Trong nước

Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội

https://ussh.vnu.edu.vn/uploads/ussh/dao-tao/2023_11/ctdt-tam-ly-hoc-he-chuan.pdf

Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

<https://hcmussh.edu.vn/static/document/Chuong%20trinh%20dao%20tao%20nhan%20van%20tam%20ly%20hoc.pdf>

3.3.2 Nước ngoài

Chương trình Trường Đại học Victoria- Úc

<https://www.vu.edu.au/courses/international/bachelor-of-psychology-honours-abpc>

Trường Đại học Virginia Commonweath – Mỹ

<https://bulletin.vcu.edu/azcourses/psyc/>

3.4. Khung chương trình

Chương trình được cấu trúc hợp lý, linh hoạt gồm 127 tín chỉ (chưa tính học phần thuộc lĩnh vực giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất theo quy định đối với giáo dục đào tạo trình độ đại học), trong đó có 117 tín chỉ bắt buộc và 10 tín chỉ tự chọn (trong tổng số 20 tín chỉ). Người học có thể chọn các học phần tự chọn theo khả năng và nguyện vọng để trang bị kiến thức cần thiết, phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong quá trình đào tạo, sinh viên có thời gian tự học xen kẽ các môn học trong một học kỳ.

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
I	Kiến thức giáo dục đại cương*	24	22	2	0
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
1	Kiến thức cơ sở khối ngành	30	23	7	0
2	Kiến thức ngành và chuyên ngành	52	30	11	11
3	Kiến thức tự chọn	10	5	5	0
III	Thực tế và khóa luận tốt nghiệp/chuyên đề lâm sàng	11	6	5	0
	Tổng cộng	127	86	30	11

* Chưa bao gồm các học phần:

- Giáo dục thể chất: 0 tín chỉ LT / 3 tín chỉ TH

- Y học thể dục thể thao: 1 tín chỉ LT / 0 tín chỉ TH

- Giáo dục quốc phòng – an ninh: 6 tín chỉ LT / 2,5 tín chỉ TH

Nội dung chương trình đào tạo

Khối kiến thức giáo dục đại cương: 24 tín chỉ (22 LT - 02 TH - 0 LS)

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
1.	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	0
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	0
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	0
6.	Pháp luật đại cương	2	2	0	0
7.	Tin học đại cương	2	1	1	0
8.	Ngoại ngữ	7	7	0	0
9.	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong CSSK	2	1	1	0
10.	Giáo dục thể chất 1,2, 3	3*	0*	3*	0
11.	Giáo dục Quốc phòng - An ninh*	8.5*	6*	2.5*	0
Tổng		24	22	2	0

*Không tính học phần GDTC và GDQP&AN vào tổng cộng

Kiến thức cơ sở khối ngành: 30 tín chỉ (23 LT – 07 TH – 0 LS)

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
1.	Sinh lý học	2	1.5	0.5	0
2.	Khoa học não bộ và hành vi	2	1.5	0.5	0
3.	Tâm lý học đại cương	3	3	0	0
4.	Đại cương về công tác xã hội	2	2	0	0
5.	Nhân học và xã hội học sức khỏe	2	2	0	0
6.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	0
7.	Giới và phát triển	2	2	0	0
8.	Tổ chức, quản lý và chính sách y tế	3	2	1	0
9.	Nghiên cứu khoa học	2	1	1	0
10.	Kỹ năng giao tiếp	2	1	1	0
11.	Dinh dưỡng	2	1.5	0.5	0

12.	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	2	1	1	0
13.	Sức khỏe lứa tuổi	2	1.5	0.5	0
14.	Tự chọn: Chọn 1 trong 3 Tâm lý học kinh tế Sức khỏe trường học Thống kê y sinh	2	1	1	0
Tổng		30	23	7	0

Kiến thức ngành và chuyên ngành: 52 tín chỉ (30 LT – 11 TH – 11 LS)

T T	Tên môn học/ module	Số tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
1.	Đạo đức Y học và đạo đức nghề tâm lý	3	2	1	0
2.	Tâm lý học nhận thức	2	2	0	0
3.	Tâm lý học nhân cách	2	2	0	0
4.	Tâm lý học xã hội	2	2	0	0
5.	Tâm lý học giáo dục	3	3	0	0
6.	Tâm lý học phát triển	3	2	1	0
7.	Tâm lý học sức khỏe	3	2	1	0
8.	Tâm sinh lý lao động	3	1	1	1
9.	Sức khỏe tâm thần	3	2	1	0
10.	Sức khỏe tâm thần trẻ em và thanh thiếu niên	3	2	1	0
11.	Tâm lý học lâm sàng	2	2	0	0
12.	Tâm lý trị liệu	3	1.5	1.5	0
13.	Đánh giá tâm lý	3	1	2	0
14.	Tham vấn tâm lý	5	3	2	0
15.	Tâm lý học gia đình	2	2	0	0
16.	Thực hành tham vấn tâm lý	5	0	0	5
17.	Thực hành tâm lý học lâm sàng	5	0	0	5
Tổng		52	30	11	11



Kiến thức tự chọn: 10 tín chỉ (05 LT – 05 TH)

Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong 10 môn)		Tổng g	LT	TH	LS
1	Tâm lý học tư pháp	2	1	1	0
2	Tâm lý học xã hội với người bệnh mãn tính và bệnh hiểm nghèo	2	1	1	0
3	Phương pháp nghiên cứu định tính	2	1	1	0
4	Tâm lý học khác biệt	2	1	1	0
5	Tham vấn tâm lý học đường	2	1	1	0
6	Một số rối loạn phát triển ở trẻ em	2	1	1	0
7	Tâm lý học tổ chức	2	1	1	0
8	Tâm lý học tích cực	2	1	1	0
9	Tâm lý học giới tính	2	1	1	0
10	Can thiệp khủng hoảng	2	1	1	0
Tổng		10	5	5	0

Thực tế và Tốt nghiệp

ST T	Tên môn học	Tổng (TC)	LT	TH
1.	Thực tế tốt nghiệp	5	0	5
2.	Chuyên đề lâm sàng/Khoá luận tốt nghiệp	6	0	6
	Tổng cộng	11	0	11

3.5.Kế hoạch đào tạo

Mỗi năm gồm 2 học kỳ, trong 4 năm học có 8 kỳ học được phân bổ như sau:

T T	Tên học phần	Số tín chỉ				Đơn vị phụ trách
		Tổng	LT	TH	LS	
	Học kỳ I					
1	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	0	Lý luận chính trị
2	Tiếng Anh 1	3	3	0	0	Ngoại ngữ
3	Sinh lý học	2	1.5	0.5	0	Sinh lý
4	Khoa học não bộ và hành vi	2	1.5	0.5	0	Tâm thần

2

5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh*	8.5*	6*	2.5*	0	Giáo dục quốc phòng
6	Tin học đại cương	2	1	1	0	Phương pháp nghiên cứu và Thống kê y sinh
7	Tâm lý học đại cương	3	3	0	0	Y đức và Tâm lý học
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	0	Y đức và Tâm lý học
9	Đại cương về công tác xã hội	2	2	0	0	Y đức và Tâm lý học
	Tổng cộng	19	16	3	0	
	Học kỳ II					
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	0	Lý luận chính trị
2	Tiếng Anh 2	2	2	0	0	Ngoại ngữ
3	Nhân học và xã hội học sức khỏe	2	2	0	0	Sức khỏe toàn cầu
4	Sức khỏe lứa tuổi	2	1.5	0.5	0	Sức khỏe môi trường
5	Giáo dục thể chất (1,2)*	2*	0*	2*	0	Giáo dục thể chất
6	Tự chọn: Chọn 1 trong 3 Tâm lý học kinh tế Sức khỏe trường học Thống kê y sinh	2	1	1	0	Kinh tế y tế Sức khỏe môi trường Phương pháp nghiên cứu và Thống kê y sinh
7	Tâm lý học nhân cách	2	2	0	0	Y đức và Tâm lý học
8	Tâm lý học phát triển	3	2	1	0	Y đức và Tâm lý học
	Tổng cộng	15	12.5	2.5	0	
	Học kỳ III					
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	Lý luận chính trị
2	Đạo đức Y học và đạo đức nghề Tâm lý	3	2	1	0	Y đức và Tâm lý học
3	Tiếng Anh 3 (Tiếng Anh chuyên ngành)	2	2	0	0	Ngoại ngữ
4	Tổ chức, quản lý và chính sách y tế	2	1	1	0	Tổ chức và quản lý y tế

5	Giáo dục thể chất 3*	1*	0*	1*	0	Giáo dục thể chất
6	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	2	1	1	0	Giáo dục và nâng cao sức khỏe
7	Dinh dưỡng	2	1.5	0.5	0	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm
8	Tâm lý học xã hội	2	2	0	0	Y đức và Tâm lý học
9	Tâm lý học giáo dục	3	3	0	0	Y đức và Tâm lý học
	Tổng cộng	18	14.5	3.5	0	
	Học kỳ IV					
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	Lý luận chính trị
2	Tâm lý học nhận thức	2	2	0	0	Y đức và Tâm lý học
3	Nghiên cứu khoa học	2	1	1	0	Phương pháp nghiên cứu và Thống kê y sinh
4	Ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong chăm sóc sức khỏe	2	1	1	0	Phương pháp nghiên cứu và Thống kê y sinh
5	Kỹ năng giao tiếp và tính chuyên nghiệp	2	1	1	0	Giáo dục và nâng cao sức khỏe
6	Tâm lý học sức khỏe	3	2	1	0	Y đức và Tâm lý học
7	Tâm sinh lý lao động	3	1	1	1	Y đức và Tâm lý học
	Tổng cộng	16	10	5	1	
	Học kỳ V					
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0	Lý luận chính trị
2	Sức khỏe tâm thần	3	2	1	0	Tâm thần
3	Sức khỏe tâm thần trẻ em và thanh thiếu niên	3	2	1	0	Tâm thần
4	Tâm lý học lâm sàng	2	2	0	0	Y đức và Tâm lý học
5	Tâm lý trị liệu	3	1.5	1.5	0	Y đức và Tâm lý học
6	Đánh giá tâm lý	3	1.5	1.5	0	Y đức và Tâm lý học
7	Tâm lý học gia đình	2	2	0	0	Y đức và Tâm lý học

	Tổng cộng	18	13	5	0	
	Học kỳ VI					
1	Tham vấn tâm lý	5	3	2	0	Y đức và Tâm lý học
2	Giới và phát triển	2	2	0	0	Sức khỏe toàn cầu
3	Học phần tự chọn 2	2	1	1	0	Y đức và Tâm lý học
4	Học phần tự chọn 3	2	1	1	0	Y đức và Tâm lý học
5	Thực hành tham vấn tâm lý	5	0	0	5	Y đức và Tâm lý học
	Tổng cộng	22	10	7	5	
	Học kỳ VII					
1	Pháp luật đại cương	2	2	0	0	Y đức và Tâm lý học
2	Học phần tự chọn 4	2	1	1	0	Y đức và Tâm lý học
3	Học phần tự chọn 5	2	1	1	0	Y đức và Tâm lý học
4	Học phần tự chọn 6	2	1	1	0	Y đức và Tâm lý học
5	Thực hành tâm lý học lâm sàng	5	0	0	5	Y đức và Tâm lý học Tâm thần
	Tổng cộng	13	5	3	5	
	Học kỳ VIII					
2	Thực tế tốt nghiệp	5	5	0	0	Viện YHDP&YTCC
3	Chuyên đề lâm sàng/khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0	Viện YHDP&YTCC
	Tổng cộng	11	5	6	0	

3.6 Điều kiện sẵn sàng chuyển sang học trực tuyến đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định

Việc tổ chức, quản lý sinh viên trong quá trình học tập theo phương pháp giảng dạy mới; quản lý học tập qua mạng, giảng dạy bằng hình thức trực tuyến, quản lý bài giảng và vật liệu dạy học điện tử trên hệ thống www.lms.hmu.edu.vn. Trong giai đoạn dịch bệnh, Trường đã tổ chức đào tạo trực tuyến, đã xây dựng các bài giảng, học liệu dạy học trực tuyến cho người học và có hệ thống giảng dạy trực tuyến e-learning. Do đó đáp ứng được tình hình trong thời điểm hiện nay cũng như việc thay đổi phương pháp tổ chức giảng dạy.

Trường đã ban hành quy định về đào tạo qua mạng tại Trường Đại học Y Hà Nội theo Quyết định số 537/QĐ-ĐHYHN ngày 12/03/2020 là cơ sở cho việc tổ chức và quản lý đào tạo trực tuyến của Trường.

Trường có hệ thống phòng học Zoom: quy mô lớp 300 với 20 tài khoản, Google meet... phục vụ cho công tác dạy học trực tuyến.

3.7 Hướng dẫn thực hiện chương trình

*** Hình thức tổ chức giảng dạy**

- Phân công Bộ môn phụ trách từng học phần và sử dụng chương trình chi tiết đã được thông qua cho giảng dạy để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị kĩ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng kí các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại cơ sở thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

*** Hình thức kiểm tra, đánh giá**

Kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học hiện hành của nhà trường (QĐ 5225/QĐ-ĐHYHN ngày 27 tháng 10 năm 2023). Hiện tại, hình thức kiểm tra đánh giá được quy chế này quy định như sau:

- Lý thuyết

- Trong thời gian học, Bộ môn chủ động hình thức kiểm tra và đánh giá. Tuy nhiên, cần thực hiện theo quy định:
 - Điểm chuyên cần: không vượt quá 10% số tiết.
 - Điểm trung bình kiểm tra thường xuyên: tổng hợp điểm từ điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên trọng số tối đa 40%.
 - Điểm kiểm tra kết thúc học phần: Thi, trọng số 60% bắt buộc thi hết học phần.
- Thực hành (nếu có)
- Điểm đánh giá thường kỳ thực hành được tính tùy thuộc vào từng học phần.



- Điểm đánh giá giữa kỳ là điểm của bài làm thực hành tổng hợp kiến thức của nửa kỳ đầu.
- Điểm thực hành là điểm kết quả được tính như điểm lý thuyết, trọng số không quá 40% tùy bộ môn.

3.8 Hướng dẫn thực hiện tích lũy điểm học phần

Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần: cách đánh giá và lượng giá học phần được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà trường. Cụ thể việc đánh giá chi tiết từng học phần được nêu trong đề cương chi tiết học phần.

Thực hiện đào tạo và xét tốt nghiệp theo Thông tư số 08/TT- BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học, Quyết định 3843/QĐ-ĐHYHN ngày 01/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Y Hà Nội được sửa đổi, bổ sung theo quyết định số 5225/QĐ-ĐHYHN ngày 27/10/2023 của Trường Đại học Y Hà Nội.

3.9. Điều kiện và đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc trình độ văn hoá tương đương theo quy định hiện hành.
- Hình thức tổ chức tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh Đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh của Trường tại thời điểm tuyển sinh.
- Thời gian tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chính sách ưu tiên: tuyển thẳng; xét tuyển; ưu tiên diện chính sách và khu vực theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh của Trường.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ theo quy định hiện hành.

3.10. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng

3.10.1 Kế hoạch tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Y Hà Nội.

Dự kiến tuyển sinh 3 năm đầu mỗi năm 60 chỉ tiêu

3.10.2 Đảm bảo chất lượng đào tạo

Chương trình được thiết kế gồm các học phần lý thuyết, thực hành và thực tập tại các cơ sở thực hành và thực địa, thi kết thúc các học phần; thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp:

- + Lý thuyết: học tại giảng đường – Trường Đại học Y Hà Nội.
- + Thực hành: tại các phòng thực hành, labo – Trường Đại học Y Hà Nội.
- + Thực tập nghề nghiệp: tại cơ sở thực hành của Trường Đại học Y Hà Nội.

Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần: cách đánh giá và lượng giá học phần được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà trường. Cụ thể việc đánh giá chi tiết từng học phần được nêu trong đề cương chi tiết học phần.

Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập:

- + Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp học phần thông qua Hệ thống khảo sát của Nhà trường;

- + Thời điểm lấy ý kiến người học: Sau khi kết thúc học phần, sau khi kết thúc khóa học;

- + Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, được thông báo tới các đơn vị chức năng, đơn vị tổ chức giảng dạy và giảng viên. Việc kiểm định chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018); thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018). Trường Đại học Y Hà Nội đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2017-2023 và giai đoạn 2023-2028.

Về chương trình đào tạo, định kỳ 02 năm thực hiện điều chỉnh CTĐT dựa vào đối sánh các chương trình đào tạo với các trường trong và ngoài nước kết hợp với kết quả khảo sát các bên liên quan. Sau khi tuyển sinh được 5 năm, chương trình sẽ được đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cho những khóa tiếp theo. Tiến hành kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

4. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

4.1. Năng lực cơ sở đào tạo

4.1.1 Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo

Trường Đại học Y Hà Nội có đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đạt quy chuẩn và có nhiều kinh nghiệm đảm nhận giảng dạy 100% các môn học chung, các môn học/học phần Khoa học cơ bản. Các môn chuyên ngành do giảng viên cơ hữu của Viện đào tạo Y học dự phòng và YTCC và các giảng viên thỉnh giảng đảm nhiệm, các học phần thực hành tại cơ sở thực hành do giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng đảm nhiệm.

Viện Đào tạo YHDP&YTCC với đội ngũ giảng viên có năng lực và kinh nghiệm trong giảng dạy cho các đối tượng sinh viên đại học. Đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng chịu trách nhiệm giảng dạy các môn học/học phần thuộc lĩnh vực ngành và chuyên ngành Tâm lý học và đủ năng lực đảm nhận giảng dạy toàn bộ khối lượng chương trình đào tạo.

Nhà Trường và Viện Đào tạo YHDP&YTCC có đủ các đơn vị phụ trách đảm nhiệm giảng dạy từng học phần khoa học cơ bản và y học cơ sở, cũng như một số chuyên ngành liên quan và với số lượng giảng viên của nhà trường có trình độ đại học và sau đại học, giàu kinh nghiệm giảng dạy đại học và sau đại học có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học và sau đại học trong những năm tới.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Viện tham gia giảng dạy chính đính kèm trong Phụ lục 4- Mẫu 1, 2.

Trường đã bố trí đội ngũ giảng viên cơ hữu ngành phù hợp tham gia xây dựng và thực hiện chương trình như sau:

1. TS. Nguyễn Thị Mai Hương, sinh năm 1984, Tiến sĩ ngành Tâm lý học năm 2020; giảng viên cơ hữu của Trường Đại học sư phạm Hà Nội từ năm 2008 và của Trường Đại học Y Hà nội từ tháng 4/2024, có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy là 16 năm. Từ năm 2010 đến nay, đã công bố 9 bài báo trong và ngoài nước trên các tạp chí có uy tín, nội dung các công trình bài báo liên quan trực tiếp đến chuyên ngành. Giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy trong các lĩnh vực: Tham vấn tâm lý, sức khỏe tâm thần trẻ em và thanh thiếu niên, tâm lý học xã hội, tâm lý học đường, công tác xã hội trong trường học. Bên cạnh giảng dạy, TS. Hương còn có kinh nghiệm thực hành như sau: Kinh nghiệm hướng dẫn kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục và bạo lực học đường cho giáo viên và học sinh, Kinh nghiệm đánh giá tâm lý các vấn đề liên quan sức khỏe tâm thần (stress, lo âu, trầm cảm, nguy cơ tự tử...); tham vấn trẻ em và gia đình; hỗ trợ giáo viên, phụ huynh về phương pháp dạy trẻ; giảm thiểu stress, cố vấn tâm lý học đường cho trường

Quốc tế Nhật Bản và trường liên cấp Tây Hà Nội.

2. **PGS. TS. Trần Thị Thanh Hương**, sinh năm 1973, Tiến sĩ ngành Tâm lý xã hội y học – Y tế công cộng năm 2006, giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Y Hà Nội từ năm 2009, có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy là 15 năm. Từ năm 2002 đến nay đã công bố 70 bài báo trong và ngoài nước trên các tạp chí uy tín, nội dung các công trình, bài báo liên quan trực tiếp đến chuyên ngành. Giảng viên có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy Tâm lý và Y đức, quản lý bộ môn Y đức và tâm lý học, thuộc Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng.

3. **PGS.TS. Lê Minh Giang**, sinh năm 1970, Tiến sĩ ngành Y xã hội học năm 2012, giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Y Hà Nội từ năm 2010, có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy là 14 năm. Từ năm 2019 đến nay đã công bố 53 bài báo trong và ngoài nước trên các tạp chí uy tín, nội dung các công trình, bài báo liên quan trực tiếp đến chuyên ngành, từ năm 2004 đến nay đã có 7 sách, giáo trình được công bố. Giảng viên có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy Dịch tễ học, Y xã hội học, hiện quản lý Phòng Đào tạo sau đại học – Trường Đại học Y Hà Nội, quản lý bộ môn Dịch tễ học thuộc Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng.

4. **PGS.TS. Lê Thị Thanh Xuân**, sinh năm 1974, Tiến sĩ ngành Y tế công cộng năm 2012, giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Y Hà Nội từ năm 2001, có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy là 23 năm. Đến nay đã công bố xuất bản 25 cuốn sách trong đó có chủ trì 06 cuốn, chủ nhiệm 20 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu và nhiều đề tài hợp tác quốc tế, đã công bố 250 bài báo trong và ngoài nước trên các tạp chí uy tín, nội dung các công trình, bài báo liên quan trực tiếp đến chuyên ngành. Giảng viên có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy sức khỏe nghề nghiệp và sức khỏe môi trường, quản lý Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị và quản lý bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp thuộc Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng.

5. **TS. Nguyễn Hữu Thắng**, sinh năm 1976, Tiến sĩ ngành Vệ sinh xã hội học và tổ chức y tế năm 2010, giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Y Hà Nội từ năm 2007, có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy là 17 năm. Từ năm 2018 đến nay đã công bố 20 bài báo trong và ngoài nước trên các tạp chí uy tín, nội dung các công trình, bài báo liên quan trực tiếp đến chuyên ngành. Giảng viên có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy Tổ chức và quản lý y tế, giảng viên bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế, phó giám đốc Trung tâm đào



tạo nghiên cứu và chăm sóc sức khỏe cộng đồng thuộc Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng.

4.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình phục vụ đào tạo

a) Phòng học, Giảng đường:

Chưa tính cơ sở vật chất, hạ tầng của Trường Đại học Y Hà Nội, Tại Viện Đào tạo Y học dự phòng và y tế công cộng, tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Viện là gần 2000 mét vuông.

Viện có hệ thống giảng đường với 05 phòng học, hội trường có sức chứa đến 120 chỗ, 02 phòng họp/học trực tuyến.

Hệ thống phòng học, giảng đường có đủ các trang thiết bị, phương tiện cần thiết, đa năng, hiện đại phục vụ giảng dạy lý thuyết.

b) Phòng Thực hành, Thực tập

Trường có đủ các phòng thực hành, thực tập các môn Khoa học cơ bản và Y học cơ sở, cơ sở ngành và chuyên ngành.

Hệ thống phòng học xem Phụ lục 2- Mẫu 6

c) Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo phục vụ dạy học

Thư viện trường có tổng diện tích 1500m², với thư viện mở 300 m² có 250 chỗ ngồi, 1 thư viện điện tử. Thư viện có phòng tra cứu thông tin, có phần mềm và các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu và được bố trí khoa học, hợp lý, có cán bộ chuyên trách.

Thư viện có đủ các đầu sách, trong đó có đủ đầu sách, đủ nguồn thông tin tư liệu: sách, giáo trình, bài giảng của các học phần/môn học phục vụ giảng dạy chương trình đào tạo ngành Tâm lý học; các tài liệu tham khảo, tạp chí Tâm lý học trong và ngoài nước đáp ứng cơ bản nhu cầu giảng dạy, học tập các học phần/môn học trong chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành Tâm lý học.

Viện Đào tạo y học dự phòng và y tế công cộng có thư viện số truy cập tại hệ thống: <https://library.spmph.edu.vn/>

Danh mục tài liệu về Tâm lý học có trong phần Phụ lục 2-mẫu 7.

e) Công nghệ thông tin phục vụ dạy học

- Trường và Viện có website để thông báo các thông tin phục vụ tuyển sinh và kế hoạch tổ chức đào tạo và kế hoạch lượng giá sinh viên kết thúc học phần trên trang điện tử của Trường: www.hmu.edu.vn; của Viện: <https://spmph.edu.vn/vi-VN/hinh-h>

- Tổ chức quản lý sinh viên học tập theo phần mềm quản lý tổ chức đào tạo của Nhà trường.

- Tổ chức lượng giá sinh viên trong quá trình học tập cũng như kết thúc học phần bằng nhiều phương pháp lượng giá được áp dụng trong quá trình tổ chức đào tạo.

g) Cơ sở thực hành

Sinh viên chuyên ngành Tâm lý học sẽ được thực hành tại các cơ sở đã công nhận là cơ sở thực hành của Trường gồm: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện K.

4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Viện đào tạo YHDP & YTCC là đơn vị đã triển khai nhiều đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước cũng như triển khai nhiều đề tài HTQT. Viện cũng là đơn vị tiên phong với số lượng các bài báo được đăng tải trên các tạp chí uy tín quốc gia và Quốc tế.

	2023	2022	2021	2020	2019-trở về trước
Quốc tế	91	89	118	145	263
Trong nước	243	159	214	286	528

Năm 2023:

- + Chủ trì: : 74 đề tài cấp cơ sở, nghiệm thu: 72 Xuất sắc, 2 đạt
- + Đang chủ trì/Tham gia: 9 đề tài cấp Bộ, 3 đề tài cấp nhà nước
- + Chủ biên/Tham gia biên soạn: 7 giáo trình/tài liệu

4.4. Hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo

Viện Đào tạo YHDP&YTCC luôn chú trọng tới công tác giao lưu và hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Viện đã cử nhiều cán bộ đi học tập tại các nước như Nhật Bản, Singapo, Australia, Hà Lan, Pháp, Ý, Thái Lan, ...; đồng thời cũng tiếp đón nhiều đoàn khách quốc tế đến thăm quan và trao đổi kinh nghiệm trên lĩnh vực Tâm lý học.

4.5 Giới thiệu chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo

Về năng lực của cơ sở đào tạo: Đáp ứng các điều kiện theo thông tư số

02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Về chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo:

- Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; và quy định tổ chức đào tạo theo Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học và quy định hiện hành của Trường về tổ chức đào tạo.

- Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Tâm lý học được xây dựng với tổng số 127 tín chỉ (chưa tính nội dung các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) và được phân bổ trong 8 học kỳ (thể hiện trong chương trình đào tạo). Chương trình với đầy đủ đề cương chi tiết học phần bắt buộc và học phần tự chọn được Trường xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra được ban hành có tham khảo chuẩn đầu ra của các trường đại học đang đào tạo ngành Tâm lý học trong nước và nước ngoài (bảng đối sánh chuẩn đầu ra trong Phụ lục đề án). Ngoài ra, chương trình có tham khảo chương trình đào tạo Tâm lý học trong và ngoài nước.

4.5.1 Các bước đã thực hiện

1. Thành lập Ban soạn thảo chương trình đào tạo

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện

3. Xây dựng chương trình đào tạo theo kế hoạch

a) Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp;

b) Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

c) Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

d) Bước 4: Đối chiếu, so sánh với chuẩn đầu ra của các cơ sở đào tạo khác ở

trong và ngoài nước để hoàn thiện chương trình đào tạo

e) Bước 5: Tổ chức lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về chương trình đào tạo;

f) Bước 6: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của Viện và của Trường xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định;

g) Bước 7: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định;

4. Trình hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

5. Chính sửa và hoàn thiện theo ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định. Hiện tại, chương trình đào tạo ngành Tâm lý học trình độ đại học được xây dựng đáp ứng được nhu cầu đào tạo hiện nay.

4.5.2 Dự kiến học phí

Học phí theo quy định của Trường về việc thu học phí, hàng năm có thay đổi theo Quy định khung học phí.

4.5.3 Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông và đạt tiêu chuẩn, điều kiện tuyển sinh đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Y Hà Nội tại thời điểm tuyển sinh.

Tổ chức tuyển sinh theo quy định tuyển sinh Đại học hệ chính quy tại thời điểm tuyển sinh và đề án tuyển sinh của Trường.

4.5.4 Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 3 năm đầu

Dự kiến số lượng chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh đại học hệ chính quy trong 3 năm đầu từ năm 2024 như sau:

Ngành đào tạo	2024	2025	2026
Tâm lý học	60	60	60

4.5.5 Kết quả họp Hội đồng khoa học đào tạo thông qua đề án mở mã ngành đào tạo

Căn cứ kế hoạch xây dựng chương trình, ban xây dựng hoàn thiện đề án trình Hội đồng khoa học giáo dục Trường xin ý kiến.

5. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro



Căn cứ các điều kiện đảm bảo tổ chức thực hiện chương trình theo các quy định hiện hành, đơn vị đề xuất một số biện pháp ngăn ngừa, khắc phục và giải pháp xử lý rủi ro như sau:

- Số lượng giảng viên, cán bộ khoa học hiện đáp ứng điều kiện mở ngành và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 2 năm đầu.

- Điều kiện về tổ chức quản lý chương trình: Hiện tại việc phân cấp quản lý các chương trình đào tạo hệ đại học đã phân cấp đến Viện đào tạo YHDP và YTCC, do vậy Viện có đủ năng lực để quản lý thêm chương trình mới.

- Điều kiện cơ sở vật chất không đảm bảo: Đối với giảng dạy lý thuyết với quy mô lớp học 60 sinh viên sẽ không ảnh hưởng so với quy mô số lượng giảng đường hiện có. Đối với giảng dạy thực hành hiện tại các phòng thực hành đáp ứng đủ cho quy mô đang thực hiện cộng với dự kiến số chỉ tiêu chuyên ngành mở là 60 sinh viên. Đối với cơ sở thực hành tại bệnh viện, trong quá trình tổ chức thực hiện Trường rà soát bổ sung thêm các cơ sở thực hành áp dụng cho chuyên ngành.

- Nhà trường trang bị hệ thống giảng dạy trực tuyến qua Zoom... và hệ thống vật liệu dạy học LMS, sẵn sàng chuyển từ giảng dạy trực tiếp sang trực tuyến trong trường hợp cần thiết.

Trường đại Học Y Hà Nội là Trường có bề dày lịch sử trên 120 năm và Viện đào tạo YHDP và YTCC có bề dày trên 60 năm, do đó Trường và Viện đã có những kinh nghiệm tổ chức đào tạo nhiều năm và nhiều chuyên ngành để có thể ngăn ngừa rủi ro cũng như xử lý trong quá trình tổ chức đào tạo

6. Tự đánh giá và cam kết thực hiện

6.1. Địa chỉ website đăng thông tin công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học

Địa chỉ website đăng thông tin công khai chuẩn đầu ra: <https://spmph.edu.vn/vi-VN/bai-viet/chuan-dau-ra-dai-hoc/chuan-dau-ra-nganh-tam-ly-hoc-cua-vien-dao-tao-yhdp-yhdp-truong-dai-hoc-y-ha-noi>

Địa chỉ website đăng thông tin công khai khung chương trình:
<https://spmph.edu.vn/vi-VN/bai-viet/khung-chuong-trinh/khung-chuong-tri...y-ha-noi>

6.2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Nhằm mục đích đa dạng hóa các loại hình đào tạo Đáp ứng nhu cầu nguồn Nhân lực y tế đảm bảo cho sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân trong và ngoài



khu vực Đồng bằng Sông Hồng, Trường đại học Y Hà Nội đăng ký Mở ngành đào tạo Cử nhân Tâm lý học để tăng cường chất lượng cán bộ Tâm lý học có chuyên môn sâu về y tế có trình độ đại học cho các địa phương.

6.3. Cam kết thực hiện

Căn cứ vào các quy định tại Thông tư 22/2017/TT - BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017, Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng - Trường Đại học Y Hà Nội đáp ứng đủ điều kiện đăng ký mở ngành đào tạo Cử nhân Tâm lý học. Chúng tôi cam kết triển khai thực hiện nghiêm túc các điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đảm bảo theo các quy định hiện hành.

Kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế phê duyệt và cho phép Nhà trường triển khai tuyển sinh và đào tạo ngành Tâm lý học trình độ đại học từ năm 2024.

Trân trọng././

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Bộ GD&ĐT;
- Lưu VT, P.ĐT-NCKH-HTQT

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tú